

## **NHỮNG HẸ LỤY CHO DÂN TỘC SAU NGÀY CỘNG SẢN CƯỜNG CHIẾM MIỀN NAM (30-4-1975)**

*Duy Văn*

### ***I. TỪ NĂM 1955 ĐẾN 1975 TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM CÓ 2 QUỐC GIA TÁCH BIỆT.***

Căn cứ vào lịch sử cận đại cho thấy, từ năm 1955 cho đến năm 1975 trên lãnh thổ Việt Nam hình công chữ S có hai quốc gia rõ rệt:

#### ***1. Việt Nam Cộng Hòa (VNCH).***

Việt Nam Cộng Hòa từ vĩ tuyến 17 trở vào (từ sông Bến Hải thuộc tỉnh Quảng Trị đến Cà Mau), thủ đô là Sài Gòn theo thể chế tự do, dân chủ. VNCH; tiếng Anh: Republic of Vietnam, tiếng Pháp: République du Vietnam, viết tắt RVN) là một quốc gia đã từng tồn tại từ năm 1955 đến năm 1975.

Trong các tài liệu quốc tế, chính phủ này còn được gọi là South Vietnam (n.đ. &#39; Nam Việt Nam &#39;; miền Nam Việt Nam &#39;) để chỉ phạm vi địa lý kể từ khi Hiệp định Genève được ký kết.

Nếu xét theo chiều dài lịch sử của dân tộc thì rõ ràng Việt Nam Cộng Hòa với thời gian tồn tại chỉ hai thập niên, thực thể này chỉ là một chớp mắt. Tuy vậy, trong thời gian ngắn ngủi đó, chính thể này đã để lại bao nhiêu điều tốt đẹp cho dân tộc Việt Nam mà sự ảnh hưởng và di sản đó cho tới ngày nay vẫn còn hằn sâu trong lòng người dân Việt Nam.

Trong khoảng thời gian 20 năm, người dân

miền Nam đã có cơ hội trải nghiệm một nền dân chủ pháp trị thực thụ đã để lại nhiều dấu ấn quan trọng.

Những giá trị tiến bộ của đời sống dân chủ ở miền Nam được thể hiện trong các tầng lớp nhân dân, của xã hội dân sự, và ở không gian học thuật đa dạng, v.v.

#### ***2. Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH).***

Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (tức Cộng sản miền Bắc), từ vĩ tuyến 17 trở ra phía Bắc, thủ đô là Hà Nội theo thể chế Cộng Sản. Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa cũng được gọi là miền Bắc Việt Nam (tiếng Anh: North Vietnam, nguyên văn Bắc Việt Nam &#39;) để chỉ vị trí địa lý của phần lãnh thổ Việt Nam được quản lý bởi nhà nước này theo Hiệp định Genève. Từ năm 1954-1975, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là nhà nước theo chế độ xã hội chủ nghĩa.

Miền Bắc không thi hành Hiệp định Geneve 1954, vâng lệnh Tàu và Nga cùng khối xã hội chủ nghĩa quốc tế phá vỡ hiệp định và tiến hành đánh chiếm miền Nam Việt Nam. Điều này đồng nghĩa là một quốc gia xâm lăng một quốc gia khác có chủ quyền.

Miền Bắc cộng sản dốc toàn bộ nguồn lực về con người và của cải để theo đuổi cuộc

chiến với mỹ từ là “giải phóng miền Nam thống nhất đất nước” nên xã hội miền Bắc cũng kiệt quệ!

## **II. MIỀN NAM SAU NGÀY BỊ MIỀN BẮC CỘNG SẢN BỨC TỬ.**

Sau 30/4/1975, người dân miền Nam mất đi chính quyền của mình, và ngụp lặn trong những con sóng lớn của sự thù hận, nghi ngờ mà bên thắng cuộc mang đến. Nó đã phá hoại và làm sụp đổ gần như tất cả những thành tựu về kinh tế, chính trị, văn hóa của miền Nam. Đất nước được tiếng gọi là “thống nhất” nhưng phần lớn người từ Bắc di cư ồ ạt vào miền Nam chiếm lĩnh nhà cửa đất đai của người dân sống dưới Chính Thể Cộng Hòa.

Người dân miền Nam không thể sống dưới chế độ cộng sản thiếu tự do nên đã vượt biên, bỏ mạng ngoài biển khơi, trên rừng núi! Một trong những sự nghịch lý cần nên nói là người miền Bắc vào Nam rồi cũng lần lượt bỏ nước ra nước ngoài như người sống trong miền Nam. Điều này nói lên được giá trị của con người ai cũng cần tự do dân chủ.

## **NHỮNG CHÍNH SÁCH ÁP ĐẶT CỦA KẼ CHIẾN THẮNG.**

### **1. Chính sách kinh tế mới.**

Sau năm 1975 ngoài lý do kinh tế, việc di dân ra vùng kinh tế mới còn có chủ ý chính trị để giảm số người thuộc chính quyền Việt Nam Cộng Hòa tập trung ở những đô thị, nhất là vùng Sài Gòn để dễ bề kiểm soát phần tử chống đối. Trong 5 năm, từ 1975-1980 Thành phố “Hồ Chí Minh” đã đưa về nông thôn 832.000 người. Phương pháp cưỡng bức dân thành thị đi kinh tế mới gồm thu hồi hộ khẩu, rút thẻ mua gạo và các nhu yếu phẩm, và cấm trẻ em nhập học khiến đối tượng phải di chuyển ra vùng nông thôn.

Theo Lê Duẩn, phát biểu tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội chung cả nước, ngày 25 tháng 6 năm 1976: *“ở miền Nam, những người trước đây nhờ chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ mà có một mức sống vật chất vượt xa khả năng của nền kinh tế trong nước và kết quả lao động của bản thân họ, nên hiểu rằng đó là một cuộc sống phồn vinh giả tạo, đời sống đau khổ, chết chóc của hàng triệu đồng bào, bằng sự triệt phá biết bao xóm làng, thị trấn, bằng sự sa đọa của biết bao thanh niên, bằng sự chà đạp nhân phẩm của biết bao phụ nữ ở các vùng bị tạm chiếm, và bằng nhục mất nước. Họ nên hiểu rằng lối sống chạy theo những nhu cầu giả tạo theo kiểu xã hội tiêu thụ, đua đòi theo những thị hiếu tầm thường, hoàn toàn trái với cuộc sống hạnh phúc văn minh chân chính. Những đồng bào ấy ngày nay có thể và cần trở lại với thực tế, trở về với cuộc sống của dân tộc, sống bằng kết quả lao động của mình. Đó là con đường để tiến tới một cuộc đời tươi vui, đẹp đẽ, có ý nghĩa, có phẩm giá, có hạnh phúc thật sự và lâu bền cho chính mình và con cháu mình.”* Đây chỉ là cách ngụy biện của Lê Duẩn để thực hiện âm mưu thâm độc của chúng mà thôi.

Theo lệnh ngày 19/5/1976 thì nhà cầm quyền cộng sản VN đề ra năm hạng dân thành thị phải chuyển ra vùng kinh tế mới:

- a. Dân thất nghiệp.
- b. Dân cư ngụ bất hợp pháp.
- c. Dân cư ngụ trong những khu vực dành riêng cho công chức và quân nhân.
- d. Tiểu thương gia, tiểu địa chủ, đại thương gia.
- e. Người gốc Hoa, dân theo đạo Công giáo.

f. Chỉ tiêu là di chuyển 1.200.000 dân trong đô thành Sài Gòn ra ngoài thành phố. Con số đại thương gia còn lại ở Thành phố "Hồ Chí Minh" không được hơn 10% tổng số nguyên thủy.

**\*Thi hành:**

Việc thực hiện xây dựng khu kinh tế mới có hai phần: phần đất tư hữu và phần đất công của hợp tác xã. Theo phương thức sau năm 1975 thì mỗi hộ được phát 500 m<sup>2</sup>; đất sản xuất; để tự túc trồng trọt lương thực. Trên mảnh đất đó nông dân được quyền canh tác theo ý muốn sau khi đã đóng góp tám giờ mỗi ngày cho hợp tác xã. Nhà nước sẽ giúp đỡ trong sáu tháng đầu. Sau đó thì phải tự lo lấy. Trợ giúp từ nhà cầm quyền cộng sản gồm:

1. Vé xe chuyên chở từ nhà đến vùng kinh tế mới. Mỗi hộ được mang theo tối đa 800 kg hành lý. Nếu chỉ điểm ở xa thì mỗi ngày phụ cấp thêm 1 đồng tiền ăn dọc đường cho mỗi người
2. Hai dụng cụ canh tác, thường là cuốc, thuổng.
3. 700-900 đồng để dựng nhà ở vùng kinh tế mới.
4. 100 đồng đào giếng, 100 đồng mua ghe thuyền nếu ở vùng sông rạch.
5. 1 đồng mỗi ngày nếu đau ốm, không lao động được; tiền thuốc 50 xu mỗi ngày khi bệnh; 150 đồng để mai táng nếu chết.

Đối với khu vực kinh tế quốc doanh thì hoạt động theo mô hình hợp tác xã: công trình phục vụ sản xuất, đời sống chung cho toàn vùng, (như đê, đập, cầu, kè, cống, đường sá, khai hoang, xây dựng đồng ruộng, cải tạo đất lần đầu...), công trình khai hoang xây dựng đồng ruộng, cải tạo đất lần đầu, xây dựng cải tạo đồng cỏ, khai hoang trồng rừng, chăm sóc và tu bổ rừng tự nhiên.

Các công trình phúc lợi công cộng: nhà trẻ, lớp mẫu giáo, một số phòng học trường phổ thông cơ sở, trạm y tế, cửa hàng hợp tác xã mua bán. Trụ sở làm việc, nhà hội họp v.v....

Những hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất đã có ở vùng còn đất hoang hoá, đồng ruộng, cải tạo đất lần đầu và xây dựng thêm các công trình phúc lợi công cộng. Riêng đối với các cơ sở của đồng bào định canh định cư, trồng cây dài ngày, cây đặc sản, xây dựng chuồng trại chăn nuôi tập thể.

Chi thu của hợp tác xã được ấn định phải chi như sau:

- 30% trả thuế ;
- 25% góp cho chính phủ theo giá thu mua của nhà nước;
- 15% trả lương cho cán bộ quản lý hợp tác xã;
- 30% còn lại chia cho các thành viên của hợp tác xã tính theo số điểm. Theo chế độ tem phiếu thời bao cấp, người lao động trong hợp tác xã được phép mua 18 kg gạo/tháng ở giá chính thức. Người lao động phụ: 16 kg; người không lao động: 9 kg.

Tổ chức các đơn vị hành chính (xã, ấp, thôn xóm...) để chăm lo cho nhân dân mới đến các yêu cầu về bảo vệ trật tự an ninh, về quản lý dân chính và các vấn đề xã hội khác.

**\*Tổng kết di dân vùng kinh tế mới.**

Kế hoạch 5 năm: 1976 – 1980, chỉ tiêu 4 triệu, thực hiện 1,5 triệu, trung bình mỗi năm 304.120. Năm 1981 – 1985, chỉ tiêu 1 triệu, thực hiện 1.3 triệu, trung bình mỗi năm 251.460. Năm 1986 – 1990, chỉ tiêu 1,6 triệu, thực hiện 1,1 triệu, trung bình

228.520. Năm 1991 – 1995, chỉ tiêu 1 triệu, thực hiện 0.9 triệu, trung bình mỗi năm 180.400. Năm 1996 – 2000 chỉ tiêu 1 triệu, thực hiện 0.2 triệu, trung bình mỗi năm 105.350.

Tổng cộng: chỉ tiêu 8,6 triệu, thực hiện 5 triệu, trung bình mỗi năm 239.700 (*Tư Liệu Phong Trào Xây Dựng kinh tế mới của Trung Ương Đảng CSVN trên báo Nhân Dân*).

## **2. Chính sách "cải tạo" quân dân cán chính VNCH.**

Năm 1975, trước khi tấn công Sài Gòn, Ban Bí Thư Trung ương đảng Lao Động từ Hà Nội đưa ra chỉ thị số 218/CT-TW ngày 18-4-1975, quy định chính sách đối với công chức và sĩ quan VNCH bị bắt như sau:

*"Đối với sĩ quan, tất cả đều phải tập trung giam giữ quản lý, giáo dục và lao động; sau này tùy sự tiến bộ của từng tên sẽ phân loại và sẽ có chính sách giải quyết cụ thể. Những người có chuyên môn kỹ thuật [kể cả lính và sĩ quan] mà ta cần thì có thể dùng vào từng việc trong một thời gian nhất định, nhưng phải cảnh giác và phải quản lý chặt chẽ, sau này tùy theo yêu cầu của ta và tùy theo sự tiến bộ của từng người mà có thể tuyển dụng vào làm ở các ngành ngoài quân đội. Đối với những phần tử ác ôn, tình báo, an ninh quân đội, sĩ quan tâm lý, bình định chiêu hồi, đầu sỏ đảng phái phản động trong quân đội, thì bất kể là lính, hạ sĩ quan hay sĩ quan, đều phải tập trung cải tạo dài hạn, giam giữ riêng ở nơi an toàn và quản lý chặt chẽ."* (Huy Đức, Bên thắng cuộc). I: Giải phóng, Saigon – Boston – Los Angeles: Osin Book, 2012, Chương 2: "Cải tạo", mục "Ngụy quân", tr. 39.)

Sau ngày 30-4-1975, nhà cầm quyền mới ở Nam Việt Nam (NVN) là Cách Mạng Lâm

Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam do đảng Lao Động tức đảng CS điều khiển, bắt giam tất cả những sĩ quan, công chức cao cấp của chính thể Việt Nam Cộng Hòa nhằm các mục đích chính:

a) Triệt hạ vĩnh viễn quân đội và chính thể VNCH.

b) Giam giữ, bạo hành, trả thù, làm cho tù nhân sợ hãi, không dám chống đối chế độ mới.

c) Tiêu diệt tiềm lực VNCH, vì những người bị bắt tập trung cải tạo ở độ tuổi trung niên để làm việc, sản xuất có trình độ văn hóa trung bình cao so với trình độ văn hóa chung của toàn dân.

d) Bóc lột sức lao động của tù nhân, đưa đi canh tác ở những vùng đất bỏ hoang thời chiến tranh.

e) Đe dọa, trấn áp những gia đình có thân nhân bị tù. Nếu gia đình chống đối, thì tù nhân khó được trở về đoàn tụ gia đình.

g) Làm gương cảnh cáo dân chúng Nam VN, nếu có tư tưởng phản động thì sẽ bị số phận tập trung cải tạo dài hạn không xét xử, làm ai cũng khiếp sợ.

Kế hoạch của CSVN nhằm tiêu diệt hoàn toàn quân đội VNCH rất tinh vi, chia thành hai phần:

1) Thứ nhất, vào giữa tháng 6-1975, CSVN ra lệnh cho hạ sĩ quan và công chức cấp thấp VNCH học tập tại chỗ các khóa chính trị từ 7 hay 10 ngày tùy địa phương.

2) Thứ hai, CSVN ra lệnh sĩ quan VNCH từ cấp thiếu úy trở lên và công chức cao cấp VNCH phải trình diện từ 13-5 đến 16-6-1975 và chuẩn bị lương thực 30 ngày, để học tập chính sách của "chính phủ cách mạng" trong một tháng. (Bác sĩ Trần Vỹ,

“Đời sống trong trại giam ở miền Bắc”, đăng trong Vàng, Máu và Nước Mắt, sđd. tt. 239-250).

Khi đại đa số sĩ quan, công chức VNCH trình diện, thì tất cả bị đưa đi giam trong các trại tù mà CS gọi là trại học tập cải tạo trên các vùng rừng thiêng nước độc, không tuyên án và không thời hạn. Nếu bỏ trốn, không trình diện mà bị CS bắt, sẽ bị án phạt nặng nề. Sau những tuyên truyền huyễn hoặc thời chiến tranh trước năm 1975, đây là cuộc lừa phỉnh công khai vĩ đại của CSVN sau năm 1975 tại Nam VN, ghi đậm chứng tích lừa dối phỉnh gạt của CSVN. Người tù phải học tập chính sách của nhà nước CS, chủ nghĩa Mác-Lê, phải lao động từ sáng đến tối, dọn mìn, phá rừng, sản xuất, trồng trọt, làm gạch ngói, dựng nhà.... Người tù đau ốm không thuốc thang, ăn uống thiếu thốn, đói rét quanh năm, khẩu phần ăn rất thấp, so với khẩu phần của một tù nhân CS dưới chế độ VNCH. (Bác sĩ Trần Vỹ, bài đã dẫn).

Theo bộ Encyclopedia of the Vietnam War, sau năm 1975, số lượng sĩ quan, công chức và cán bộ VNCH bị bỏ tù khoảng hơn 1 triệu người trên tổng dân số Nam VN lúc đó khoảng 20 triệu người. Tất cả bị giam tại trên 150 trại giam; theo đó khoảng 500 ngàn được thả về trong 3 tháng đầu; 200 ngàn bị giam từ 2 đến 4 năm; 250 ngàn bị giam ít nhất 5 năm, và năm 1983 (tức sau 8 năm) còn khoảng 60,000 người bị giữ lại. (Spencer C. Tucker, Encyclopedia of the Vietnam War, a Political, Social, and Military History, Vol. two, Santa Barbara, California: 1998, tr. 602. Sách trích tài liệu của Sagan, Ginette and Stephen Denney, Violations of Human Rights in the Socialist Republic of Vietnam, Palo Alto, California: Aurora Foundation, 1983).

Trong số trên 1 triệu người bị tù sau năm

1975, theo những cuộc nghiên cứu ở Hoa Kỳ và Âu Châu, có khoảng 165,000 nạn nhân đã chết trong các trại tù “cải tạo”. (Anh Do & Hieu Tran Phan, “Millions of lives changed forever with Saigon’s fall”, nhật báo Orange County Register, Chủ Nhật, 29-4-2001, phụ trang đặc biệt về ngày 30-4, tt. 2-3.) Cộng sản hứa hẹn sẽ thả ra khỏi tù những ai học tập cải tạo tốt, nhưng không có tiêu chuẩn xác định thế nào là cải tạo tốt, nên chẳng ai hiểu thế nào là học tập cải tạo tốt để được thả ra. Và cứ thế, CS tùy thích giam cầm quân nhân, công chức VNCH không thời hạn theo sáng kiến của CS.

### **3. Đánh Tư Sản miền Nam.**

Quyết Định 111/CP của Hà Nội về việc “Đánh tư sản” ở miền Nam Việt Nam là một chứng liệu quan trọng. Quyết định này là nguồn gốc của mọi khổ đau, nghèo khó của người dân miền Nam Việt Nam sau ngày 30 tháng Tư năm 1975 và là lý do khiến Việt Nam bị tụt hậu về mọi mặt, đứng hàng thứ ba nghèo nhất thế giới theo tuyên bố của Liên Hiệp Quốc vào năm 1985.

Trích: “ĐIỀU IV. ĐỐI VỚI NHÀ, ĐẤT CỦA CÁC TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN THUỘC BỘ MÁY CÀI TRỊ CỦA NGỤY QUÂN NGỤY QUYỀN VÀ ĐẢNG PHÁI PHẢN ĐỘNG:

a) Mọi loại nhà cửa, đất đai trước ngày Giải phóng do chính quyền “Mỹ ngụy” quản lý hoặc dành cho những tổ chức hay cá nhân, thuộc ngụy quân ngụy quyền và các tổ chức đảng phái phản động sử dụng, nay đều là tài sản công cộng, do Nhà nước trực tiếp quản lý.

b) Nhà cửa, đất đai của những người sau đây đều do Nhà nước trực tiếp quản lý:

– Sĩ quan ngụy quân cấp từ thiếu tá trở

lên.

- Sĩ quan cảnh sát từ cấp trung úy trở lên.
- Cán bộ thuộc bộ máy cai trị của ngụy quyền đã giữ chức vụ, từ Chủ sự phòng cơ quan Trung ương, Ty phó, Quận phó trở lên.
- Các phần tử ác ôn, mật vụ, tình báo, chiêu hồi cố tình phản cách mạng.

Điều IV của QĐ 111/CP đã cho thấy rõ nhiều gia đình, thân nhân của người trong quân đội, chính quyền VNCH phải chịu mất nhà mất cửa rất thâm trầm. Mọi quy chụp là phản động hay bị ghép là thành phần Ngụy quyền thì coi như là bị tịch thu nhà cửa. Bởi không có định nghĩa rõ ràng thế nào là thành phần ác ôn nên các viên chức cán bộ Cộng Sản tha hồ kết tội thường dân vô tội và là thành phần ác ôn của “Ngụy quyền” để tư lợi cướp bóc nhà cửa cho riêng mình, không cần tòa án nào xét xử cả. Ai ai cũng có thể là điệp viên CIA, hay là có lý lịch ba đời liên quan đến Ngụy quân, có tư tưởng phản động và cần phải tịch thu nhà cửa dựa trên điều khoản này của QĐ 111/CP.

Không khí hoảng sợ đau thương oán hận lan tràn khắp cả miền Nam. Sự kiện Đánh tư sản do Hà Nội thực hiện đối với người dân miền Nam Việt Nam theo Quyết Định mang số 111/CP vào tháng 4 năm 1977 do Phạm Hùng ký đặc biệt nhằm vào việc tịch thu nhà cửa đất đai của nhân dân miền Nam. Các đợt đánh tư sản đối với người dân miền Nam được Hà Nội cho ký số X1, X2 và X3.

- Đợt X1 được bắt đầu vào sáng ngày 9 tháng Chín năm 1977 xảy ra khắp 17 tỉnh thành miền Nam và thành phố Sài Gòn. Đợt này chủ yếu nhằm vào nhà của các cư dân thành thị, tịch thu nhà và cưỡng bức toàn bộ những nạn nhân phải đi về vùng Kinh

Tế Mới sinh sống. Đợt X1 này tập trung vào những người tư sản bản gốc Hoa vốn đã sinh sống thành công tại miền Nam hơn 200 năm.

- Đợt X2 được Hà Nội tiến hành từ tháng Ba năm 1978 và được kéo dài cho đến sau Đổi Mới, tức là khoảng năm 1990 thì mới chấm dứt. Đợt này chủ yếu nhằm vào tư thương, tiểu tư sản, các thành phần sản xuất nhỏ vốn rất đa dạng và phồn thịnh trong nền kinh tế thị trường do chính phủ Việt Nam Cộng Hòa khuyến khích hậu thuẫn.

- Song song với chiến dịch X2 là chiến dịch X3 đặc biệt tập trung tại Sài Gòn. Đỗ Mười, sau này là Tổng Bí Thư Đảng, lúc bấy giờ thay thế Nguyễn Văn Linh làm trưởng ban cải tạo Trung Ương là người chỉ huy trực tiếp đợt thực hiện này.

Bảy giờ sáng ngày 23-3-1978, tất cả các cửa hàng kinh doanh to nhỏ, đủ mọi ngành nghề đóng cửa án binh bất động theo lệnh của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Một bản thông báo ngắn gọn do ông Vũ Đình Liệu thay mặt UBND thành phố ký được ban hành ngay sau đó, xác nhận “Chiến dịch X3”, bắt đầu ở thành phố HCM.

Tất cả các cơ sở kinh doanh, buôn bán, nhà hàng, cửa hàng, kho tàng, trung tâm dịch vụ bị niêm phong. Danh sách đã được lên từ trước. Họ làm bí mật lâu rồi. Như một trận đánh giặc đã được trinh sát, điều nghiên tỉ mỉ, chính xác. Các tổ công tác ập vào từng điểm bất ngờ, nhanh chóng niêm phong tài sản, khống chế mọi người trong gia đình nội bắt xuất, ngoại bắt nhập. Mỗi điểm niêm phong có tối thiểu một tổ ba người, không cùng cơ quan, không quen biết nhau. Họ là thanh niên xung phong, thanh niên công nhân

các nhà máy, sinh viên các trường đại học, cả những thanh niên các phường được huy động vào chiến dịch.

Ngay buổi chiều hôm ấy một cuộc mít tinh tuần hành từ Nhà văn hóa thanh niên do Thành đoàn tổ chức. Hàng ngàn học sinh, sinh viên rầm rộ xuống đường, diễu hành khắp các phố chính Sài Gòn, Chợ Lớn, hoan nghênh chính sách cải tạo công thương nghiệp của đảng, đả đảo bọn gian thương.

Nền công nghiệp nhẹ, sản xuất đồ tiêu dùng, gia dụng trong nhà của Việt Nam đã hoàn toàn chính thức bị phá hủy. Không những thế, các nhà máy nhỏ sản xuất nhu yếu phẩm như đường, bột giặt, giấy, ... cũng bị tê liệt vì chủ nhân bị quốc hữu hóa.

Chiến dịch X3 thành phố Hồ Chí Minh, đã đánh gục 28.787 nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, hộ buôn bán. Ông Nguyễn Văn Linh nói:

– “*Khi tôi làm Trưởng ban cải tạo trung ương, tìm hiểu và dự kiến Sài Gòn, Chợ Lớn có khoảng 6.000 hộ kinh doanh buôn bán lớn. Khi anh Đỗ Mười thay tôi, anh ấy áp dụng theo quy chuẩn cuộc cải tạo tư sản Hà Nội từ năm 1955, nên con số mới phỏng to lên như vậy. Anh Mười không trao đổi với chúng tôi. Anh ấy có ‘thượng phương bảo kiếm’ trong tay, toàn quyền quyết định*”. – (Nguyễn Văn Linh – Những trải trở trước đổi mới).

Đỗ Mười đã đưa hàng ngàn hộ tiểu thương, trung lưu vào diện cải tạo, gộp luôn những hộ sản xuất vào đối tượng đó. Riêng tại Sài Gòn, thì báo Tuổi Trẻ đã phải thừa nhận là đã có trên 10.000 tiệm bán hàng bị đóng chỉ qua một đêm, khiến một viên thuốc trụ sinh cũng không có mà mua, mà dùng.

Trong chiến dịch X-3, Đỗ Mười không sử dụng người của Nguyễn Văn Linh, mà đưa

hầu hết cán bộ từ miền Bắc vào nắm giữ những vị trí quan trọng. Đồng thời ông ta bố trí cán bộ các ngành thương nghiệp, giao thông vận tải, công nghiệp nhẹ, kho hàng vào tiếp quản. Ông đóng đại bản doanh ở Thủ Đức, trực tiếp chỉ đạo, không tham khảo bất cứ ý kiến ai trong cơ quan lãnh đạo thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả X3, với “*công lao to lớn*” của Đỗ Mười, thu được khoảng hơn 4.000 kg vàng, gần 1.200.000 đô la, và một khối lượng hàng hóa không thống kê hết. Từ chiếc xe hơi, tivi, tủ lạnh, đến bịch bột giặt, quả trứng gà đều bị kê khai và tịch thu chất trong các kho, để rồi không cánh mà bay, hoặc biến thành phế thải.

– Sau chiến dịch X3, hàng ngàn gia đình cán bộ miền Bắc đã vào Sài Gòn sinh sống trong những ngôi nhà bị tịch thu. Theo thừa nhận ngắn ngủi từ báo SGGP và báo Công An khi bàn đến vấn đề trả lại nhà cho những “*đối tượng*” bị đánh tư sản oan ức vào tháng 9 năm 1989, ước tính lên đến khoảng 150 ngàn người thuộc gia đình cán bộ gốc miền Bắc vào Sài Gòn sinh sống trong những ngôi nhà bị tịch thu. Trong chiến dịch này, số lượng người Sài Gòn phải bị mất hết tài sản và bị cưỡng bức đi kinh tế mới là khoảng 600.000 người, tạo ra một sự hoảng sợ hoang mang chưa từng có trong lịch sử phát triển Sài Gòn qua các triều đại.

Cuối đợt X3, ghi nhận của Hà Nội là có khoảng 950.000 người Sài Gòn bị cưỡng bức đi Kinh tế mới, không hoàn thành chỉ tiêu đề ra là một triệu hai người!

– Sức mạnh kinh tế Sài Gòn tự nhiên bị phá hoại đi đến kiệt quệ hoàn toàn sau chiến dịch X3 do Đỗ Mười trực tiếp chỉ huy. Hơn 14.000 cơ sở tiểu thủ công nghiệp tại Sài Gòn rất cần cho nền kinh tế quốc dân, với khoảng 270 ngàn nhân

công hoàn toàn bị trắng tay, đóng cửa với tổng số thiệt hại tài sản trước mắt lên đến gần chín đến hai mươi một tỷ Mỹ kim và tiến trình phát triển công nghệ của đất nước trong tự cường hoàn toàn không còn hy vọng để phục hồi.

– Riêng về tổng số vàng, nữ trang tịch thu từ giới tư bản ở miền Nam được các báo đài của Đảng thừa nhận lên đến 4000 lượng vàng – nhưng đây chỉ là con số tượng trưng tính riêng ở Sài Gòn từ tháng 5 năm 1977 qua tháng 2 năm 1978 mà thôi. Cả thảy trên dưới gần 35 ngàn lượng vàng, tính luôn cả nữ trang và kim cương thu trong những đợt đánh tư sản ở miền Nam.

**\* Hậu quả quá trình Đánh tư sản của Hà Nội:**

– Theo các chuyên gia của Liên Hiệp Quốc về kinh tế, Việt Nam tụt hậu hơn 50 năm về kinh tế vì các chính sách đánh tư sản này của Cộng Sản Hà Nội lên đầu người dân miền Nam. Việt Nam là quốc gia nghèo đứng hàng thứ ba trên thế giới vào năm 1985.

– Kinh tế của Việt Nam mãi đến năm 1997 mới thực sự khắc phục được một phần hậu quả của 10 năm Quá Độ, đánh tư sản do Hà Nội tiến hành từ năm 1976 đến năm 1987.

– Từ năm 1987 đến năm 1997, Hoa Kỳ đã nhắm mắt làm ngơ cho những người Việt di tản hay Vượt Biên định cư tại Mỹ gởi tiền hàng ồ ạt về cứu đói thân nhân mình và vực dậy sự sinh động về kinh tế vốn có ngày nào của miền Nam. Tổng số ngoại tệ gởi về lên đến 8 đến 15 tỷ Mỹ kim mỗi năm trong suốt 10 năm đó.

– Sang đến năm 1989, chính quyền bắt đầu tiến hành trả lại nhà cho một số nạn nhân bao năm trời khổ ải, cũng như bắt đầu bàn

tới vấn đề cho phép các sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hòa được bán nhà vốn hầu hết đã bị tịch thu nếu ra đi theo chương trình HO-Special Release Reeducation Center Detainee Resettlement Program (Chương trình tái định cư đặc biệt tù nhân tập trung cải tạo).

– Chỉ số nghèo đói của Việt Nam đứng hàng thứ ba trên thế giới và chỉ mới có những tiến bộ cải thiện khi World Bank và USAID tăng tốc trợ giúp, mọi tài liệu, hình ảnh ca ngợi đánh tư sản từ các báo chí đài phát thanh của Đảng cũng bị dẹp dần đi. Hà Nội tới ngày nay vẫn chưa chính thức xin lỗi hai mươi một triệu người dân miền Nam về hành động ngu xuẩn này.

**4. Chính sách đối tiền.**

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Việt Nam thống nhất lãnh thổ và tiếp sau đó là thống nhất về chế độ chính trị. Tuy nhiên, nền kinh tế quốc gia vẫn còn bị chia cắt trên một số lĩnh vực. Một trong số đó là việc tồn tại đồng thời 2 đơn vị tiền tệ: Đồng (tiền Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa) và Đồng (tiền Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam).

Việc chấp nhận 2 đơn vị tiền tệ cùng tồn tại thời gian đầu được Đảng Cộng sản Việt Nam giải thích là *"tuy là một nước thống nhất, nhưng do còn có sự khác biệt về phương thức sản xuất và phân phối, chúng ta phải tạm thời cho lưu hành hai đồng tiền khác nhau ở hai miền."* Tuy nhiên, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn xem điều này là "trở ngại trong giao lưu kinh tế và thanh toán giữa hai miền". Mặt khác, quốc hiệu của Việt Nam đã được đổi thành Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, không dùng quốc hiệu cũ vẫn ghi trên các đơn vị tiền tệ đang lưu thông. Do



đó, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam đã có chủ trương thống nhất tiền tệ.

Ngày 01 tháng 4 năm 1978, Bộ Chính Trị ra Nghị quyết số 08-NQ/TW về việc phát hành tiền ngân hàng mới, thu hồi tiền ngân hàng cũ ở hai miền, thống nhất tiền tệ trong cả nước. Việc thống nhất tiền tệ vừa bao gồm mục đích tạo thuận lợi cho trao đổi và thanh toán, vừa bao gồm mục đích kiểm soát lượng tiền trong lưu thông, lại vừa bao gồm mục đích cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Ngày 05 tháng 5 năm 1978, công việc đổi tiền được tiến hành trên toàn quốc. 1 đồng (tiền Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa) đổi bằng 1 đồng mới, 0,80 đồng (tiền Mặt trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam) đổi bằng 1 đồng mới.

Mức tiền mặt được đổi ngay được ấn định như sau:

- Mỗi hộ độc thân được đổi ngay đến mức tối đa ở thành thị là 100 đồng, ở nông thôn là 50 đồng;
- Mỗi hộ gia đình có 2 nhân khẩu được đổi ngay ở thành thị mức tối đa là 200 đồng, ở nông thôn là 100 đồng;
- Mỗi hộ gia đình có 3 nhân khẩu trở lên được đổi thêm cho mỗi nhân khẩu ở thành thị là 50 đồng, ở nông thôn là 30 đồng, những hộ nhiều nhân khẩu nhất cũng chỉ được đổi ngay đến mức tối đa ở thành thị là 500 đồng, ở nông thôn là 300 đồng;
- Mỗi nhân khẩu trong các hộ tập thể, như bộ đội, công an vũ trang, công nhân viên chức, sinh viên... được đổi ngay đến mức tối đa là 100 đồng.
- Số tiền sở hữu trên mức tối đa phải khai báo và ký thác vào ngân hàng. Khi cần dùng thì tiền đó có thể rút ra nếu có lý do chính đáng.

Một điều kiện nữa là người dân phải chứng minh rằng số tiền trên mức tối đa là tiền kiếm được bằng "lao động cá nhân" chân chính chứ không phải tiền trực lợi qua lao động của người khác. (!)

### ***5. Chính sách đốt sách phá hoại văn hóa miền Nam.***

Theo Sử ký Tư Mã Thiên, sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa, thừa tướng Lý Tư đã đề nghị dẹp bỏ tự do ngôn luận để thống nhất chính kiến và tư tưởng. Lý Tư chỉ trích giới trí thức dùng "sự dối trá" qua sách vở để tạo phản trong quần chúng. Chủ trương Đốt sách, Chôn nho (Phần thư, Khanh nho) của Tần Thủy Hoàng được thực hiện từ năm 213 trước Công nguyên. Qua đó, tất cả những kinh điển từ thời Chư tử Bách gia (trừ sách Pháp gia, trường phái của Lý Tư) đều bị đốt sạch. Lý Tư còn đề nghị đốt tất cả thi, thư, sách vở, trừ những quyển được viết vào thời nhà Tần. Sách trong lĩnh vực triết lý và thi ca, trừ những sách của Bác sĩ (cổ văn nhà vua) đều bị đốt. Những nho sinh dùng sử sách để chỉ trích chính quyền đều bị hành hình. Những ai dựa vào chế độ cũ để phê phán chế độ mới sẽ bị xử tội chém ngang lưng.

Ngày 23/5/1975, tại Sài Gòn, nhà cầm quyền bắt đầu phát động chiến dịch bài trừ văn hóa đòi truy, phản động. Lực lượng chủ yếu tham gia chiến dịch này là thanh niên đã diễn hành qua các đường phố và hô khẩu hiệu đả đảo văn hoá ngoại lai, đòi truy, mất gốc, phản động. Các đội thanh niên đã tịch thu được hàng vạn cuốn sách bị xem là đòi truy, phản động. Dân chúng, các nhà sách và những người kinh doanh sách cũng đã giao nộp rất nhiều sách cho lực lượng thanh niên. Việc đốt sách được thể hiện qua chiến dịch Bài trừ Văn hóa Đòi truy-Phản động. Tự bản

thân khẩu hiệu trong chiến dịch đã nêu rõ 2 mục đích: (1) về chính trị, bài trừ các luồng tư tưởng phản động chống đối chế độ và (2) về văn hóa, xóa bỏ hình thức được coi là 'đồi trụy theo hình thức tư bản. Một trong những việc làm cấp thiết của nhà cầm quyền mới khi miền Nam sụp đổ là niêm phong, tịch thu sách tại các thư viện. Những tác phẩm của nhà in, nhà xuất bản và nhà sách lớn tại Sài Gòn như Khai Trí, Sống Mới, Độc Lập, Đồng Nai, Nam Cường, Trí Đăng đều bị niêm phong và cấm lưu hành.

Đội ngũ những người cầm bút miền Nam phải nói là rất đông và bao gồm nhiều lãnh vực. Về triết học phương Tây có Lê Tôn Nghiêm, Trần Văn Toàn, Trần Thái Đĩnh, Nguyễn Văn Trung, Trần Bích Lan... Triết Đông Phương có Nguyễn Đăng Thục, Nghiêm Xuân Hồng, Nguyễn Duy Cần, Nguyễn Khắc Kham, Nghiêm Toàn, Kim Định, Nhất Hạnh... Phần biên khảo có Nguyễn Hiến Lê, Giản Chi, Lê Ngọc Trụ, Lê Văn Đức, Lê Văn Lý, Trương Văn Chính, Đào Văn Tập, Phạm Thế Ngũ, Vương Hồng Sển, Thanh Lăng, Nguyễn Ngu Í, Nguyễn Văn Xuân, Lê Tuyên, Đoàn Thêm, Hoàng Văn Chí, Nguyễn Bạt Tụy, Phan Khoang, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thế Anh, Nguyễn Khắc Ngữ, Nguyễn Văn Sâm...

Về thi ca có Nguyễn Sa, Quách Thoại, Thanh Tâm Tuyền, Cung Trầm Tưởng, Tô Thùy Yên, Đĩnh Hùng, Bùi Giáng, Viên Linh, Hoàng Trúc Ly, Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Phạm Thiên Thư, Nguyễn Đức Sơn, Du Tử Lê...

Phê bình văn học có Tam Ích, Cao Huy Khanh, Lê Huy Oanh, Đỗ Long Vân, Đặng Tiến, Uyên Thao, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Dương Nghiễm Mậu, Bình Nguyên Lộc, Mặc Thu, Mặc Đỗ, Thanh Nam, Nhật Tiến, Nguyễn Thị Vinh, Phan Du, Đỗ Tấn, Nguyễn Mạnh Côn, Sơn Nam,

Võ Hồng, Túy Hồng, Nhã Ca, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Minh Đức Hoài Trinh, Nguyễn Đình Toàn, Chu Tử, Viên Linh, Duyên Anh, Phan Nhật Nam, Nguyễn Vũ, Vũ Hạnh, Y Uyên, Cung Tích Biền, Duy Lam, Thế Uyên, Lê Tất Điều, Hoàng Hải Thủy, Văn Quang, Nguyễn Thụy Long, Phan Lạc Tiếp, Thế Nguyên, Thế Phong, Diễm Châu, Thảo Trường, Nguyễn Xuân Hoàng. Toàn bộ sách ấn hành tại miền Nam của những tác giả nêu trên (còn một số người nữa mà người viết bài này không thể nhớ hết) đều bị 'đánh đồng' là tàn dư Mỹ-Ngụy, văn hóa nô dịch, phản động và đồi trụy. Các cấp chính quyền từ phường, xã, quận, huyện, thành phố ra chỉ thị tập trung tất cả các loại sách vở, từ tiểu thuyết, biên khảo cho đến sách giáo khoa để hỏa thiêu.

### ***6. Phong trào vượt biên (thuyền nhân).***

Trong những ngày cuối cùng trước khi Sài Gòn thất thủ vào tháng 4 năm 1975, khoảng 140.000 người Việt Nam có liên hệ mật thiết với chính quyền miền Nam Việt Nam đã được di tản khỏi Việt Nam và tái định cư tại Hoa Kỳ. Cuộc di tản do chính phủ Hoa Kỳ tổ chức được tiếp nối bằng một cuộc di tản nhỏ hơn của người Việt Nam, họ đã dùng thuyền để chạy sang các nước Đông Nam Á láng giềng. Đến cuối năm 1975, khoảng 5.000 người Việt Nam đã đến Thái Lan, 4.000 người đã đến Hồng Kông, 1.800 người đã đến Singapore và 1.250 người đã đến Philippines. Phản ứng ban đầu của UNHCR coi những phong trào này như là hậu quả của chiến tranh hơn là sự khởi đầu của một cuộc khủng hoảng tỵ nạn mới. Sự bất mãn và không sống được với chế độ cộng sản mới tại miền nam Việt Nam gia tăng, số dân bỏ trốn khỏi đất

nước từ đây cũng tăng theo. Tháng 7 năm 1976, Hà Nội hủy bỏ danh nghĩa của cái gọi là Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam được chính họ thành lập sau khi Sài Gòn thất thủ, tước bỏ quyền tự chủ còn lại và thống nhất đất nước dưới tên gọi là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Họ cũng bắt tay vào một chương trình tái định cư dân thành thị về nông thôn, được gọi là 'vùng kinh tế mới'. Hơn một triệu người bị đưa vào các "trại cải tạo". Nhiều người đã chết trong khi hàng trăm nghìn người vẫn bị giam cầm trong khổ ải vào cuối những năm 1980 sang đầu thập niên 1990. Thời gian trôi qua, người ta cũng thấy rõ rằng sự nổi bật của cộng đồng người Việt gốc Hoa trong lãnh vực kinh tế tư nhân đã đi ngược lại với chủ trương xã hội chủ nghĩa của nhà cầm quyền Cộng Sản. Vào đầu năm 1978, các biện pháp chính thức đã được thực hiện để chiếm đoạt các cơ sở kinh doanh của các doanh nhân tư nhân, hầu hết trong số đó là người Việt gốc Hoa. Năm 1977, khoảng 15.000 người Việt Nam đã ra khỏi nước và xin tỵ nạn tại các nước Đông Nam Á. Vào cuối năm 1978, số người chạy trốn bằng thuyền tăng gấp bốn lần; 70 phần trăm những người xin tỵ nạn này là người Việt gốc Hoa. Thêm nhiều người Việt gốc Hoa khác đã chạy sang Trung Quốc; họ chủ yếu đến từ miền Bắc Việt Nam, nơi họ đã sinh sống trong nhiều thập kỷ; và họ hầu hết là ngư dân nghèo, nghệ nhân và nông dân. Trung Quốc sau đó đã thành lập một dự án để giải quyết những người tỵ nạn bằng cách cho họ tái định cư tại các trang trại nhà nước ở miền Nam Trung Quốc.

Vào cuối năm 1978, vấn đề tỵ nạn này đã bắt đầu tăng đến mức báo động: có gần 62.000 'thuyền nhân' Việt Nam đổ đến các trại tỵ nạn khắp Đông Nam Á. Hàng chục

nghìn người đã vượt biên sang Thái Lan. Khi số lượng 'thuyền nhân' tăng mạnh, thái độ khó chịu của dân và chính quyền địa phương của các quốc gia láng giềng cũng tăng theo. Thêm vào đây, tình trạng di dân cũng căng thẳng và phức tạp theo: Một số thuyền đến bờ biển của các quốc gia Đông Nam Á không chỉ là ghe đánh cá nhỏ bằng gỗ mà là tàu chở hàng bằng thép do các tổ chức buôn lậu trong khu vực, thuê và chở hơn 2.000 người một lúc. Ví dụ, vào tháng 11 năm 1978, một tàu chở hàng 1.500 tấn, tàu Hải Hồng, đã thả neo tại cảng Klang (Mã Lai Á, Malaysia) và yêu cầu được phép cho 2.500 người Việt Nam xuống bờ. Khi nhà chức trách Mã Lai yêu cầu tàu này phải quay đầu trở ra biển, đại diện UNHCR địa phương lập luận rằng những người Việt Nam trên tàu được coi là 'mối quan tâm của Văn phòng UNHCR'. Lập trường này được củng cố bằng một bức điện tín từ trụ sở UNHCR cho thấy rằng "trong tương lai, trừ khi có những chỉ dẫn rõ ràng về điều ngược lại, các trường hợp tàu từ Việt Nam sang được coi là yếu tố cơ bản (prima facie of concern) mà UNHCR quan tâm". Trong hơn một thập niên, những người Việt Nam đến trại do UNHCR quản lý đã được hưởng quy chế tỵ nạn sơ bộ và được trao cho cơ hội tái định cư ở nước ngoài. Vào đầu cuộc di cư của người Đông Dương vào năm 1975, không một quốc gia nào trong khu vực đã chính thức gia nhập Công ước Người tỵ nạn năm 1951 của Liên Hiệp Quốc hoặc Nghị Định Thư năm 1967. Không quốc gia nào tiếp nhận thuyền nhân Việt Nam và cho phép họ lưu trú vĩnh viễn; thậm chí một số quốc gia đã không cho phép tỵ nạn tạm thời. Thí dụ: Singapore từ chối tiếp nhận bất kỳ người tỵ nạn nào không được đảm bảo tái định cư trong vòng 90 ngày. Malaysia và Thái Lan thường đẩy thuyền

ra xa bờ biển của họ. Khi số thuyền tị nạn Việt Nam tăng đột biến vào năm 1979, hơn 54.000 thuyền nhân chỉ trong tháng 6, việc 'đẩy lui' thuyền trở thành thông lệ, kết quả là hàng ngàn người Việt Nam có thể đã bỏ mạng trên biển. Vào giữa năm 1979, trong số hơn 550.000 người Đông Dương đã xin tỵ nạn ở Đông Nam Á kể từ năm 1975, khoảng 200.000 người được tái định cư và khoảng 350.000 người ở lại các nước tỵ nạn đầu tiên trong khu vực. Trong sáu tháng trước, cứ trung bình ba thuyền nhân đến trại tỵ nạn thì chỉ một người được nhận cho đi tái định cư. Vào cuối tháng 6 năm 1979, các quốc gia thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN gồm Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan) đưa ra cảnh báo rằng họ đã đạt đến giới hạn mức chịu đựng, và tuyên bố rằng họ sẽ không chấp nhận bất kỳ người mới đến nào. Việc đẩy thuyền ra xa bờ biển đang xảy ra ở tốc độ tối đa và nơi tỵ nạn đang ở trong tình trạng nguy hiểm. Đó là hậu quả của sự cai trị độc tài của cộng sản, họ muốn và đưa người dân đến nỗi đau tận cùng của sự sống!

### **7. Đàn Áp Tôn Giáo.**

Với các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác, tôn giáo là sự phản ánh một cách biến dạng, sai lệch, hư ảo về giới tự nhiên và con người, về các quan hệ xã hội. Hay nói cách khác, tôn giáo là sự nhân cách hoá giới tự nhiên, là sự "đánh mất bản chất người". Chính con người đã khoá cho thần thánh những sức mạnh siêu nhiên khác với bản chất của mình để rồi từ đó con người có chỗ dựa, được chở che, an ủi - dù đó chỉ là chỗ dựa "hư ảo". Chỉ ra bản chất sâu xa của hiện tượng đó, Ph. Ăngghen đã viết: *"Con người vẫn chưa hiểu rằng họ đã nghiêng mình trước bản chất của chính mình và đã thần thánh hoá nó như một bản*

*chất xa lạ nào đó".* Lộ tả bản chất của tôn giáo, ông cho rằng, *"tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế mang hình thức những lực lượng siêu trần thế".*

Và với câu nói từ cửa miệng của Karl Marx: "Tôn giáo là liều thuốc phiện của nhân dân". Cho nên, ở dưới chế độ cai trị của cộng sản tôn giáo không được tôn trọng triệt để mà ngược lại cần triệt tiêu.

Sau năm 1975. Với quan niệm trên, Cộng sản Việt Nam đã lập ra một tổ chức tôn giáo quốc doanh để gom tất cả các giáo phái tôn giáo về một mối dưới sự quản lý của Ủy Ban Tôn Giáo Nhà Nước để theo dõi. Các tôn giáo nào không thuần phục bị đàn áp. Các chức sắc của các tôn giáo đó bị bắt, tù tội, đôi khi bị bức tử. Những cuộc đàn áp tôn giáo ngày càng trắng trợn, tàn bạo, đặc biệt đối với giáo hội Tin Lành và Phật Giáo Hòa Hảo, Cao Đài. Hiện tượng gia tăng cường độ trấn áp của nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam, đối với sinh hoạt tín ngưỡng ở Việt Nam nói chung và ba tôn giáo kể trên nói riêng, tuy có làm cho nỗ lực đấu tranh cho quyền tự do tín ngưỡng của đồng bào trong nước bị đình trệ trên mặt nổi, nhưng lại gia tăng nỗi uất hận của những con người hiền lương, sẵn sàng chấp nhận hy sinh xác thân cho đạo pháp, với ước mơ cùng nhau đốt lên ngọn lửa tranh đấu cho quyền tự do tín ngưỡng trong đêm tối của bạo tàn, dối trá và bất công dày đặc. Một số sự đàn áp cụ thể như lực lượng an ninh vô cớ kéo đến phá sập nguyện đường của Mục Sư Nguyễn Hồng Quang tại Sài Gòn; Một số tín hữu Tin Lành tại Long An bị công an cưỡng ép ký giấy bỏ đạo; hàng

chục công an đã bất ngờ bao vây, hành hung và bắt giữ nhiều tu sĩ, tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo tại An Giang và Đồng Tháp, dẫn đến quyết định tự thiêu của tu sĩ Trần Văn Út (đã từ trần) và tín đồ Võ Văn Bửu (bị phỏng nặng); Cũng trong cùng ngày, tu sĩ Võ Văn Thanh Liêm bị công an chặn bắt vô cớ trước chùa Quang Minh Tự, ấp Long Hòa, tỉnh An Giang; lực lượng công an bao vây, khủng bố 3 Mục Sư cùng 30 truyền đạo và hơn 30 tín hữu Tin Lành đang tham dự trại Hè tại Bình Phước. Với Đạo Cao Đài Tây Ninh cộng sản lập ra Hội Đồng Chương Quản, sửa đổi các điều lệ tu tập của tín đồ Cao Đài, bắt bớ những vị chức sắc tu hành thuần túy. Tại sao Hà Nội lại gia tăng cường độ đàn áp tôn giáo tại Việt Nam trong lúc này? Điều có thể khẳng định là từ nhiều thập niên qua, nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam chưa bao giờ thật sự có thiện chí muốn trao trả lại quyền tự do tín ngưỡng cho đồng bào trong nước. Mọi phương thức nới lỏng các sinh hoạt tôn giáo chỉ là kết quả của sự tương nhượng có tính toán, dung hòa giữa những áp lực quần chúng, quốc tế và khả năng kiểm soát của đảng CSVN trên các tổ chức, thành phần xã hội. Do đó, kiểm soát và thao túng những sinh hoạt tôn giáo vẫn là một nhu cầu thường trực, lâu dài của đảng CSVN, mà sự hiện diện của "Ủy Ban Tôn Giáo" trong cơ chế nhà nước là một dẫn chứng. Tuy nhiên, sự kiện nhà cầm quyền CSVN bất ngờ gia tăng các biện pháp khủng bố tôn giáo, hẳn nhiên cũng có những nguyên nhân gần. Tưởng cũng cần nhắc lại, trước chuyến công du Hoa Kỳ của Phan Văn Khải và đoàn tùy tùng gần 240 người, Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo đã phổ biến bản kiến nghị, ngày 3 tháng 6, tố cáo chính sách đàn áp tôn giáo tại Việt Nam đồng thời đe dọa sẽ có tín hữu tự thiêu vì đạo pháp để đánh động lương tâm thế giới. Cũng trong thời gian Phan Văn

Khải công cán tại Hoa Kỳ, ngày 20 tháng 6, dân biểu Christopher Smith, Phó Chủ Tịch Ủy Ban Đối Ngoại, cùng một số đồng viện tổ chức cuộc điều trần trước quốc hội Hoa Kỳ về thực trạng vi phạm tự do tôn giáo tại Việt Nam. Trong danh sách những vị lãnh đạo tinh thần bị trừ dập được nêu tên có tu sĩ Phật Giáo Hòa Hảo Võ Văn Thanh Liêm, cũng là người được mời tham dự cuộc điều trần, nhưng không được nhà cầm quyền CSVN cho phép xuất cảnh. Ngoài ra, cũng trong chuyến công cán Hoa Kỳ, mọi nơi Phan Văn Khải và phái đoàn hiện diện đều phải đối diện với những cuộc biểu tình chống đối mạnh mẽ và gay gắt của cộng đồng người Việt. Mục tiêu của những cuộc biểu tình nhằm để tố cáo bản chất của chế độ độc tài của CSVN, đòi hỏi nhà cầm quyền CSVN trả tự do cho những tù nhân lương tâm, tố giác trước cộng đồng thế giới về bất công, trừ dập trên đất nước Việt Nam mà các tôn giáo hiện đang là nạn nhân. Phản ứng mạnh mẽ của cộng đồng người Việt hải ngoại, hẳn nhiên đã làm tổn thương đến tư thế đại diện của Phan Văn Khải. Vấn đề này đã trở thành một trong những chủ đề được nêu lên và phê phán gay gắt, trong đại hội Trung Ương Đảng thứ 12, vào hạ tuần tháng 6.

Đối chiếu với những sự việc xảy ra trong thời gian gần 3 tháng, chúng ta có thể tin rằng động cơ thúc đẩy chính quyền Hà Nội gia tăng cường độ khủng bố trắng trợn hai giáo hội Tin Lành và Phật Giáo Hòa Hảo, trong thời gian gần đây, là nhằm thỏa mãn bản chất trả thù thấp hèn, tẩy rửa phần nào mỗi nhục của nhà cầm quyền Hà Nội trong chuyến vận động ngoại giao tại Hoa Kỳ vừa qua. Tuy nhiên như đã đề cập ở trên, thay vì giải quyết những mâu thuẫn trên tinh thần đối thoại

công bằng, hòa giải và trong sáng, nhà nước CSVN đã dùng bạo lực như là phương tiện để trấn áp, trút sự giận dữ lên trên những con người không có tấc sắt tự vệ, thì sự xung đột giữa chính quyền và quần chúng tiếp tục tồn tại, và sẽ bộc phát mạnh hơn trong tương lai.

Cũng trong vấn đề thời sự, sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội phổ biến bản thông cáo, nội dung cho biết "Hoa Kỳ đã không mời 94 người (Thượng) bị trả về được định cư tại Hoa Kỳ". Được biết trong cuộc biến động tại Tây Nguyên vào năm 2001, và sau cuộc biểu tình hàng ngàn người vào tháng 4 năm 2004, có khoảng hơn 100 người Thượng đã đào thoát qua biên giới Căm Bốt, với hy vọng thoát khỏi mào lưới truy quét của lực lượng công an. Có một số người Thượng được cứu xét tái định cư tại Hoa Kỳ và Phần Lan, trong năm ngoái. Tuy nhiên, gần đây chính quyền Hoa Kỳ có chỉ dấu thay đổi chính sách, căn cứ theo nội dung thông báo kể trên. Vì thế, chúng ta cũng không thể loại bỏ giả thuyết rằng việc gia tăng đàn áp tôn giáo tại Việt Nam còn nằm trong mục tiêu Hà Nội muốn thăm dò phản ứng của Hoa Thịnh Đốn trong vấn đề này. Dù cho đây là hành động thăm dò của Hà Nội, trên tinh thần hỗ trợ trong ngoài, người Việt Nam giải quyết vấn đề của người Việt Nam, cộng đồng người Việt hải ngoại chắc chắn sẽ chủ động, kiên trì, bền bỉ hỗ trợ nỗ lực đấu tranh cho quyền tự do tín ngưỡng của đồng bào trong nước, cho đến ngày thành công (Theo tư liệu của Phan Nguyên, cây bút chuyên nghiên cứu về tình trạng tôn giáo Việt Nam của RFA).

### **III. HẬU QUẢ 50 CỘNG SẢN MIỀN BẮC CHIẾM MIỀN NAM.**

Như đã nói trên cộng sản Miền Bắc nghe lời Nga, Tàu dốc toàn lực trong hơn 20 năm đánh chiếm miền Nam, trở nên cạn kiệt về

nhân lực, kinh tế. Theo thống kê của quốc tế hai miền Nam và Bắc chết trong chiến tranh ước lượng khoảng 2 triệu 400 ngàn người, trong số này kể cả dân thường (Theo Wikipedia). Bộ Thương Binh và Xã Hội cộng sản công bố có 1.146.250 liệt sĩ, trong đó có 849.018 liệt sĩ hy sinh trong chiến tranh Việt Nam nên thực lực miền Bắc hoàn toàn kiệt quệ. Do vậy khi chiếm được miền Nam cộng sản miền Bắc đã vơ vét hầu hết của cải của miền Nam đem về miền Bắc, đồng thời đề ra những chính sách cai trị ác nghiệt đối với người dân miền Nam nhằm mục đích thống trị và ngu dân, diệt trừ mọi mầm mống mà cộng sản miền Bắc cho là có khả năng tạo sự chống đối của người dân miền Nam trên mọi lãnh vực. Với bản chất của người cộng sản luôn là dối trá lừa phỉnh cộng với gian ác và tàn độc, Cộng sản miền Bắc đã tuyên truyền dối trá với người dân miền Bắc rằng là người dân miền Nam bị "Mỹ Ngụy" kềm kẹp và nghèo đói. Khi chúng chiếm được miền Nam, chính họ thấy một miền Nam trù phú người dân có đời sống sung túc, với một nền kinh tế giàu mạnh, nên cộng sản miền Bắc lại dùng bộ máy tuyên truyền cấm đoán người dân miền Bắc sớm vào Nam (chỉ có cán bộ đảng viên trung kiên mới được vào). Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 Cộng sản miền Bắc cho chở tất cả những vật chất có liên hệ đến kinh tế ở miền Nam ra Bắc hầu để cân bằng kinh tế hai miền. Mặt khác dùng chính sách cai trị tàn độc đối với miền Nam để cho người miền Nam bần cùng để dễ tuyên truyền. Thế nhưng không thể nào "lấy thúng úp miệng voi" cho được, sự thật vẫn là sự thật miền Nam thời điểm đó được mệnh danh là "Hòn Ngọc Viễn Đông" thì làm sao cộng sản miền Bắc che dấu cho được người dân miền Bắc cũng sẽ biết sự thật.

Nhà văn Dương Thu Hương "Tôi khóc ngày 30 tháng Tư 1975 vì thấy nền văn minh đã thua chế độ man rợ". Phát ngôn của nhà văn Dương Thu Hương được nhiều người nhớ đến mỗi khi gần đến ngày Tưởng niệm Tháng Tư Đen. Bà tâm sự: *"khi đội quân chiến thắng vào Sài Gòn năm 1975, trong khi tất cả mọi người trong đội quân chúng tôi đều hớn hở cười thì tôi lại khóc. Vì tôi thấy tuổi xuân của tôi đã hy sinh một cách uổng phí. Tôi không choáng ngợp vì nhà cao cửa rộng của miền Nam, mà vì tác phẩm của tất cả các nhà văn miền Nam đều được xuất bản trong một chế độ tự do; tất cả các tác giả mà tôi chưa bao giờ biết đều có tác phẩm bày trong các hiệu sách, ngay trên vỉa hè; và đầy rẫy các phương tiện thông tin như TV, radio, cassette. Những phương tiện đó đối với người miền Bắc là những giấc mơ. Đừng quên rằng, ở miền Bắc, tất cả mọi báo đài, sách vở đều do nhà nước quản lý. Dân chúng chỉ được nghe đài Hà Nội mà thôi; và chỉ có những cán bộ được tin tưởng lắm mới được nghe đài Sơn Mao, tức là đài phát thanh Trung Quốc. Còn toàn bộ dân chúng chỉ được nghe loa phóng thanh tập thể; có nghĩa là chỉ được nghe một tiếng nói. Vào Nam tôi mới hiểu rằng, chế độ ngoài Bắc là chế độ man rợ vì nó chọc mù mắt con người, bịt lỗ tai con người. Trong khi đó ở miền Nam người ta có thể nghe bất cứ thứ đài nào, Pháp, Anh, Mỹ, nếu người ta muốn. Đó mới là chế độ của nền văn minh. Và thật chua chát khi nền văn minh đã thua chế độ man rợ. Đó là sự hàm hồ và lầm lẫn của lịch sử. Đó là bài học đắt giá và nhằm lẫn lớn nhất mà dân tộc Việt Nam phạm phải".*

Bởi sự tuyên truyền dối trá và sự cai trị ác độc của đảng cộng sản nên đất nước Việt Nam nói chung và miền Nam nói riêng vẫn luôn nghèo đói. Tính theo thời gian thì 30

tháng 04 năm 2024, miền Nam dưới ách cai trị của cộng sản Việt Nam là 50 mười năm tức nửa thế kỷ còn ở miền Bắc có khoảng thời gian dài hơn dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa, nhưng nhìn chung trên cả đất nước Nam và Bắc cuộc sống của người dân không khá, người dân vẫn còn phải cơ cực. Nhà nước cộng sản bóc lột tận xương tủy của người dân để làm giàu cho một số lãnh đạo, cho đảng chứ không cho người dân. Đất nước vẫn nghèo, dân vẫn đói triền miên.

Câu hỏi là tại sao đất nước gần một thế kỷ rồi mà vẫn còn nghèo trong khi đó Đảng và nhà nước cộng sản vẫn tuyên truyền huênh hoang rằng thể chế Xã Hội Chủ Nghĩa là ưu việt? Trong suy tư trăm trở đó, nhiều nhà kinh tế đưa nhiều nguyên nhân nhận định tại sao Việt Nam giờ đây vẫn còn nghèo? Phó Giám Đốc Đỗ Cao Bảo, phụ trách kinh doanh tập đoàn FPT trăm trở và lý giải trong cuốn sách "Khát vọng Việt - Vì sao đất nước ta còn nghèo" có hai nguyên nhân chính. Nguyên nhân khách quan: thiên tai dịch họa đã hủy hoại nhiều dấu ấn văn minh vật chất của dân tộc, không cho chúng ta cơ hội hưởng để phát triển; nền kinh tế tiểu nông, manh mún, thô sơ, chậm phát triển, phụ thuộc vào khí hậu, thời tiết. Chúng ta vẫn chưa bằng được các nước khác kể cả các nước có cùng điều kiện khí hậu, địa lý trong khu vực như Singapore, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippines. Nguyên nhân chủ quan: người dân Việt hiện đại có bốn điểm yếu cố hữu cản trở sự phát triển: dễ hài lòng, tư duy nhỏ trong kinh tế, suy nghĩ chủ quan, nền tảng triết lý cho phát triển yếu. Những nhìn nhận, đánh giá riêng của tác giả đã chỉ ra được phần nào lý do chúng ta thất bại. Bên cạnh đó là những

phân tích, đánh giá về các nước có nền kinh tế phát triển và các nước đi lên từ nghèo nàn lạc hậu trong khu vực như: Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Myanmar...

Trong sự suy nghĩ chủ quan, Đảng và nhà nước cộng sản luôn lúc nào cũng nói kinh tế định hướng theo xã hội nghĩa là ưu việt không chịu cải tiến áp dụng nền kinh tế thị trường như các nước trong khu vực. Lại nữa với những nhà lãnh đạo kinh tế của nhà nước cộng sản, phần lớn đều xuất thân từ kinh tế của các nước cộng sản nên có những lối nhìn hạn hẹp cứng nhắc nên không thể có lối nhìn phóng khoáng theo nền kinh tế tư bản. Cộng vào đó các lãnh tụ cộng sản Việt Nam tham những tràn lan từ cấp thấp đến cấp cao trong chính quyền của họ mặc dù đảng cộng sản Việt Nam đưa ra nhiều biện pháp ngăn ngừa nào là chiến dịch "đốt lò" nhưng không thành công, tệ nạn khoét đục của công vẫn lan rộng. Có thể nói "cán bộ cộng sản Việt Nam chức vụ nhỏ thì tham những nhỏ chức vụ càng lớn thì tham những càng lớn". Hết thuốc chữa! Sự tham nhũng cũng là yếu tố lớn đưa đất nước gần một thế kỷ rồi mà vẫn chưa phát triển nổi. Thành phố Sài Gòn được xem là một thành phố kinh tế cho cả nước mà hiện giờ đây rầy những người ăn xin, nạn trộm cướp lộ liễu hành, giết người chưa từng thấy nơi nào trên trái đất này.

Tóm lại, với một miền Nam là "Hòn Ngọc Viễn Đông" với nền kinh tế đứng số một trong khu vực Đông Nam Á trước năm 1975. Sau ngày 30 tháng 4 dưới sự cai trị tàn độc của chế độ cộng sản người dân miền Nam chịu sự kềm kẹp của cộng sản miền Bắc hay nói khác hơn cộng sản miền Bắc đồng hóa cái nghèo đói của miền Bắc vào Nam và kéo dài sự đồng hóa này cho đến ngày nay. Hay nói một cách thực tế hơn là người cộng sản miền Bắc bần cùng

hóa người miền Nam. Và nhìn trên bình diện rộng lớn chế độ cộng sản với những con người cộng sản có đầu óc chứa đầy lý thuyết Mác xít ngu xuẩn thì làm sao có cái nhìn thực tế khoa học đưa đất nước đến giàu có cho được.

Với một chế độ chỉ có biết vơ vét tiền của người dân và tham nhũng tràn lan cho cá nhân thì làm gì có chuyện nghĩ đến đất nước.

Đất nước Việt Nam không thể có cơ hội phát triển, nếu còn chế độ cộng sản với những cán bộ đảng viên trong đầu óc chỉ biết vơ vét của nhân dân.

Muốn Việt Nam thực sự được tự do, dân chủ và phú cường thì chế độ độc tài toàn trị của Cộng Sản Việt Nam phải bị triệt tiêu.

### ***Tư liệu tham khảo:***

\* Chính sách kinh tế mới của Lê Duẩn – Quốc Hội 1975.

\* Nghị quyết của Ban Bí Thư Trung Ương Đảng Lao Động về " cải tạo" quân cán chính

ngày 18 tháng 4 năm 1975.

\* Quyết định 111/CP Hà Nội Đánh Tư Sản Miền Nam.

\* Nghị quyết 08/NQ/TW của Bộ Chính Trị về việc đổi tiền.

\* Phá hoại văn hóa Miền Nam (Bài trừ văn hóa đồi trụy – Nhà XB Hà Nội)

\* Phong trào vượt biên chính thức và bán chính thức (Tài liệu UNHCR – 1978)

\* Đàn áp Tôn Giáo (Tư liệu Phan Nguyên, tín hữu Phật Giáo Hòa Hảo)